Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2302.30.90

Mã HS	2302.30.90
Mô tả hàng hóa	Cám, tấm và phế liệu khác, ở dạng viên hoặc không ở dạng viên, thu được từ quá trình giần, sàng, rây, xay xát hoặc chế biến cách khác từ các loại ngũ cốc hoặc các loại cây họ đậu / - Từ lúa mì: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 03:54:17
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/23023090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2871
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2871
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2871
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2853
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2814
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2814
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2814
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2814
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2814
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2814
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E2852
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2852

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2852
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2852
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2852
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2852
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E2856
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F2856
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2856
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2856
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2856
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2856
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2856
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2820
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2816
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2816
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2816
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2816
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2816
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2816
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2816
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2816
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2816
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2816
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2816
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2816
VCFTA	2022	2022	5	VC!D2863
VCFTA	2023	2023	5	VC!E2863

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2863
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2863
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2863
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2863
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D2860
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E2860
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F2860
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2860
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2860
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2860
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D2868
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E2868
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F2868
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G2868
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H2868
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2868
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D2839
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E2839
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F2839
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G2839
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H2839
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2839
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D2841
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E2841
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F2841
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G2841

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H2841
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2841
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D2837
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E2837
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F2837
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G2837
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2837
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2837
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2837
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D2860
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E2860
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F2860
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G2860
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H2860
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I2860
RCEP B	2022	2022	0	B!D2860
RCEP B	2023	2023	0	B!E2860
RCEP B	2024	2024	0	B!F2860
RCEP B	2025	2025	0	B!G2860
RCEP B	2026	2026	0	B!H2860
RCEP B	2027	2027	0	B!I2860
RCEP C	2022	2022	0	C!D2860
RCEP C	2023	2023	0	C!E2860
RCEP C	2024	2024	0	C!F2860
RCEP C	2025	2025	0	C!G2860
RCEP C	2026	2026	0	C!H2860

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I2860
RCEP D	2022	2022	0	D!D2860
RCEP D	2023	2023	0	D!E2860
RCEP D	2024	2024	0	D!F2860
RCEP D	2025	2025	0	D!G2860
RCEP D	2026	2026	0	D!H2860
RCEP D	2027	2027	0	D!I2860
RCEP E	2022	2022	0	E!D2863
RCEP E	2023	2023	0	E!E2863
RCEP E	2024	2024	0	E!F2863
RCEP E	2025	2025	0	E!G2863
RCEP E	2026	2026	0	E!H2863
RCEP E	2027	2027	0	E!I2863
RCEP F	2022	2022	0	F!D2860
RCEP F	2023	2023	0	F!E2860
RCEP F	2024	2024	0	F!F2860
RCEP F	2025	2025	0	F!G2860
RCEP F	2026	2026	0	F!H2860
RCEP F	2027	2027	0	F!I2860
VIFTA	2024	2024	0	VI!F2668
VIFTA	2025	2025	0	VI!G2668
VIFTA	2026	2026	0	VI!H2668
VIFTA	2027	2027	0	VI!I2668

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Kiểm dịch thực vật (01/2024/TT-BNNPTNT M9)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2302.30 có 2 dòng thuế; dòng 2302.30.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	2302.30.10 Cám và cám mịn (pollard)(SEN)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2302.30.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2302.30.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2871), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Kiểm dịch thực vật (01/2024/TT-BNNPTNT M9)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.